Mẫu số 04/QĐ-CKNS

ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG TÂN ĐÔNG HIỆP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1495/QĐ-UBND	*Tân Đông Hiệp, ngày 25 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Tân Đông Hiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN ĐÔNG HIỆP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) ngày 25/6/2015, Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 484/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giao chỉ tiêu dự toán ngân sách năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Tân Đông Hiệp về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi và phân bổ ngân sách phường Tân Đông Hiệp năm 2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Ủy ban nhân phường Tân Đông Hiệp *(Chi tiết đính kèm các biểu)*

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND-UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- UBND Thành phố;
- Sở Tài chính TP;
- TT.Đảng ủy phường;
- TT.UBND- HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Như Điều 2;
- LĐVP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Huy

UỶ BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TÂN ĐÔNG HIỆP

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 25 / 12/2025 của UBND phường Tân Đông Hiệp)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**622.904.000.000**	**TỔNG SỐ CHI**	**622.904.000.000**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	4.227.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	92.109.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	4.772.000.000	II. Chi thường xuyên	515.190.000.000
III. Thu bổ sung	613.905.000.000	III. Dự phòng	15.605.000.000
- Bổ sung cân đối	207.624.000.000	IV. Kết dư ngân sách	
- Bổ sung để thực hiện CCTL	174.456.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu	231.825.000.000		
IV. Thu chuyển nguồn			



UỶ BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TÂN ĐÔNG HIỆP

Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 4157/QĐ-UBND ngày 25 / 12/2025 của UBND phường Tân Đông Hiệp)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	Tổng số thu	**1.522.585.000.000**	**622.904.000.000**
I.	**Thu ngân sách địa phương được hưởng**	**908.680.000.000**	**8.999.000.000**
1.	**Các khoản thu 100%**	**13.042.000.000**	**4.227.000.000**
	- Phí, lệ phí	6.038.000.000	242.000.000
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.868.000.000	2.868.000.000
	- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	- Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	- Thu khác	4.136.000.000	1.117.000.000
2.	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**895.638.000.000**	**4.772.000.000**
a.	Các khoản thu phân chia	56.809.000.000	4.772.000.000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	56.809.000.000	4.772.000.000
b.	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	838.829.000.000	
	Thu từ khu vực kinh tế nhà nước	64.996.000.000	
	Thu thuế CNT ngoài quốc doanh	336.363.000.000	
	Thuế TNDN		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	Thuế GTGT		
	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	Thuế thu nhập cá nhân	149.827.000.000	
	Thu tiền sử dụng đất	287.403.000.000	
	Thu tiền thuê mặt đất mặt nước	110.000.000	
	Thu cấp quyền khai thác tài nguyên và khoáng sản	130.000.000	
II.	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**		
III.	**Thu chuyển nguồn**		-
IV.	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		
V.	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**613.905.000.000**	**613.905.000.000**
1	*- Thu bổ sung cân đối ngân sách*	207.624.000.000	207.624.000.000
2	*- Thu bổ sung để thực hiện CCTL*	174.456.000.000	174.456.000.000
3	*- Thu bổ sung có mục tiêu*	231.825.000.000	231.825.000.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TÂN ĐÔNG HIỆP

Biểu số 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1495 /QĐ-UBND ngày 25/ 12/2025 của UBND phường Tân Đông Hiệp)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN
1	2	3 =4+5	4	5
A.	**Tổng chi ngân sách phường**	**622.904.000.000**		**622.904.000.000**
I.	***Chi đầu tư phát triển***	***92.109.000.000***		***92.109.000.000***
1	Chi đầu tư XDCB	92.109.000.000		92.109.000.000
II.	***Chi thường xuyên:***	***515.190.000.000***		***515.190.000.000***
1	**Chi quốc phòng**	**14.450.393.000**		**14.450.393.000**
2	**Chi an ninh**	**14.384.977.000**		**14.384.977.000**
3	**Sự nghiệp, giáo dục, đào tạo**	**292.899.105.000**		**292.899.105.000**
4	**Sự nghiệp VHTT**	**250.000.000**		**250.000.000**
5	**Đài truyền thanh**	**320.500.000**		**320.500.000**
6	**Sự nghiệp thể dục thể thao**	**100.000.000**		***100.000.000***
7	**Chi y tế, dân số và gia đình**	***54.759.000.000***		***54.759.000.000***
8	**Đảm bảo xã hội**	***47.353.000.000***		***47.353.000.000***
9	**Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể**	**90.673.025.000**		**90.673.025.000**
a	*- Quản lý Nhà nước (VPUBND-HĐND, Phòng Kinh tế hạ tầng, đô thị, Phòng VHXH)*	*62.756.872.000*		*62.756.872.000*
	+Chi QLNN	*60.156.872.000*		*60.156.872.000*
	+ Sự nghiệp môi trường	*100.000.000*		*100.000.000*
	+ Kiến thiết thị chính	*500.000.000*		*500.000.000*
	+ Sự nghiệp kinh tế khác	*2.000.000.000*		*2.000.000.000*
b	*- Trung tâm phục vụ hành chính công*	*4.906.151.000*		*4.906.151.000*
c	*- Đảng*	*14.291.914.000*		*14.291.914.000*
d	*- Mặt trận tổ quốc-Đoàn thể*	*8.718.088.000*		*8.718.088.000*
8	**- Chi khác**			
III.	***Dự phòng***	***15.605.000.000***		***15.605.000.000***